UBND Xã: Hưng Đạo

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**7,299,492,780**	**2,000,000,000**	**5,299,492,780**	**1,026,587,841**		**1,026,587,841**	**14.06**		**19.37**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	355,154,000	355,154,000							
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	28,000,000		28,000,000						
4	Chi văn hóa, thông tin	65,000,000		65,000,000	9,435,000		9,435,000	14.52		14.52
5	Chi phát thanh, truyền thanh	273,432,000		273,432,000	6,511,000		6,511,000	2.38		2.38
6	Chi thể dục, thể thao	399,142,000	399,142,000							
7	Chi bảo vệ môi trường	70,000,000		70,000,000	37,500,000		37,500,000	53.57		53.57
8	Chi các hoạt động kinh tế	387,179,800	252,308,000	134,871,800	74,145,800		74,145,800	19.15		54.98
	Giao thông	282,308,000	252,308,000	30,000,000						
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	104,871,800		104,871,800	74,145,800		74,145,800	70.7		70.7
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5,031,836,980	993,396,000	4,038,440,980	677,928,950		677,928,950	13.47		16.79
10	Chi cho công tác xã hội	375,748,000		375,748,000	82,437,000		82,437,000	21.94		21.94
11	Chi khác	230,000,000		230,000,000	138,630,091		138,630,091	60.27		60.27
12	Dự phòng	84,000,000		84,000,000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									